|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂNXÃ AN HÒA THỊNHSố: /BC-UBND | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc*An Hòa Thịnh, ngày tháng 6 năm 2020* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 và xây dựng Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.**

 Thực hiện Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 09/3/2020 của UBND huyện Hương Sơn tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 – 2020 và xây dựng chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021 – 2030, UBND xã Báo cáo tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011- 2020 và xây dựng chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021 – 2030 như sau:

**Phần thứ nhất**

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011** - **2020**

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức Hội nghị phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2011 – 2020 đến toàn thể cán bộ, công chức và nhân dân.

- Hàng năm ban hành các kế hoạch cải cách hành chính kịp thời, xác định rõ nhiệm vụ, nội dung, trách nhiệm, thời gian hoàn thành.

Trên cơ sở kế hoạch Cải cách hành chính của huyện, xã UBND xã đã kịp thời triển khai, ra văn bản đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, cụ thể từ năm 2011 đến nay đã ban hành 75 văn bản chỉ đạo.

Đầu nhiệm kỳ đã xây dựng Quy chế hoạt động của UBND, Quy chế phối hợp giữa HĐND và UBMTTQ trong hoạt động nói chung, trong công tác cải cách hành chính nói riêng. Tổ chức thực hiện các Quy chế ngày càng có hiệu quả; sắp xếp bố trí cán bộ, công chức chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao.

- Hàng năm phối hợp với UBND huyện thực hiện đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của địa phương; đánh giá sự hài lòng của cơ quan, tổ chức, công dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Qua kiểm tra, đánh giá đều đạt từ loại khá trở lên.

- Thực hiện tốt tuyên truyền về CCHC, trong đó tập trung tuyên truyền một cách sâu rộng về cải cách hành chính đến đội ngũ cán bộ, công chức và trong nhân dân. Hình thức tuyên truyền chủ yếu được thực hiện trong các cuộc họp cán bộ, công chức, tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của xã và trang thông tin điện tử.

**2. Đánh giá chung về công tác triển khai.**

a) Mặt tích cực đạt được

Cấp ủy Đảng, chính quyền đã quan tâm chỉ đạo, ban hành văn bản triển khai chương trình CCHC của xã.

UBND xã luôn bám sát chương trình, kế hoạch theo sự chỉ đạo của UBND huyện để kịp thời chỉ đạo cán bộ, công chức triển khai thực hiện, không để xảy ra tình trạng chậm trễ gây ảnh hưởng tiến độ thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của xã, huyện.

b) Tồn tại, hạn chế.

Bên cạnh một số kết quả đã đạt được, công tác cải cách hành chính của xã trong trong giai đoạn 2011-2020 vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng với yêu cầu đổi mới toàn diện theo tinh thần và mục tiêu chung mà Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ đã đề ra, cụ thể: chưa có các mục tiêu đột phá trong cải cách hành chính của giai đoạn; việc đánh giá tác động, rà soát, thủ tục hành chính chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục; việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa hành chính chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

**II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ**

**1. Cải cách thể chế**

Xác định công tác xây dựng văn bản là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng nên trong những năm qua xã đã quan tâm chỉ đạo thường xuyên, sâu sát công tác này. Nhờ đó công tác kiểm tra, rà soát văn bản bản quy phạm pháp luật đã đạt kết quả, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng xây dựng văn bản.

Từ năm 2011 đến năm 2020, xã đã ban hành 23 văn bản QPPL. Hàng năm, UBND xã xây dựng Kế hoạch tự rà soát văn bản. Công tác kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát hệ thống văn bản QPPL được triển khai thường xuyên, kịp thời. Việc thực hiện kiểm tra, tự kiểm tra chú trọng đến việc xem xét nội dung, tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản, góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL của địa phương, phục vụ hoạt động, quản lý nhà nước. Qua rà soát không có văn bản nào ban hành trái thẩm quyền,nội dung theo quy định văn bản cấp trên.

- Công tác góp ý văn bản QPPL được chú trọng. Trong những năm qua xã đã tập trung để thực hiện tốt việc lấy ý kiến nhân dân về các văn bản luật như Hiến pháp năm 2013, Luật chính quyền địa phương…, các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, huyện, xã.

- Về công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Hàng năm xã xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyền truyền phổ biến, giáo dục pháp luật. Trong những năm qua công tác theo dõi thi hành pháp luật đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.Tạo sự chuyển biến về nhận thức trong nhân dân, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

**2. Cải cách thủ tục hành chính**

Hàng năm, UBND xã ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát các quy định, TTHC thuộc thẩm quyền nhằm phát hiện những quy định, TTHC còn bất cập, chồng chéo, vướng mắc để tiến hành rà soát, kiến nghị đơn giản hóa.Thực hiện cập nhật, niêm yết công khai TTHC của UBND tỉnh ban hành một cách đầy đủ, kịp thời. Niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận, phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính để người dân, tổ chức được biết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên trang thông tin điện tử của xã. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cá nhân, tổ chức giải quyết thủ tục hành chính.

Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, ngày 14/02/2008 của Chính được thực hiện thường xuyên theo quy định. Tuy nhiên, trong những năm qua, việc phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính còn rất hạn chế, các tổ chức, cá nhân còn e ngại trong việc phản ánh, kiến nghị. Trong 10 năm qua UBND xã không tiếp nhận kiến nghị, phản ánh nào của công dân về tục hành chính và việc tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ, công chức.

2. 2. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC

Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC thực hiện đảm bảo đúng quy trình, giải quyết thủ tục hành chính cho công dân đảm bảo kịp thời, chính xác và hồ sơ trả đúng hẹn.

Bố trí phòng tiếp nhận và trả kết quả riêng, có bàn tiếp nhận cho cán bộ, công chức làm việc, bàn ghế cho công dân chờ, có máy vi tính, máy in, máy scan.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hàng năm được kiện toàn theo quy định. Trình độ chuyên môn của cán bộ thực hiện tại bộ phận một cửa được đào tạo phù hợp với chức danh đảm nhận và đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được giao; có ý thức trách nhiệm cao với công việc được giao; thái độ phục vụ nhân dân luôn gần gũi, hướng dẫn tận tình, chu đáo, không sách nhiễu, gây phiền hà cho nhân dân.

- Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Hiện nay cấp xã đã có 33 dịch vụ công. Việc thực hiện dịch vụ công mức độ 3, 4 kết quả đạt còn thấp.

**3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính**

- Theo quy định cấp xã gồm Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ và các tổ chức đoàn thể. Trong đó Đảng ủy gồm có Bí thư, Phó bí thư; UBND xã gồm chủ tịch, phó chủ tịch và 7 chức danh công chức; UBMT và các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội Nông dân, Hội CCB, Hội phụ nữ.

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy: Thực hiện Đề án sáp nhập thôn và Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh, sáp nhập, đặt tên, đổi tên và phân loại thôn, tổ dân phố tại các xã, thị trấn thuộc huyện Hương Sơn và theo Kết luận 92-KL/TU ngày 03/10/2018 của Ban thường vụ Tỉnh uỷ và các văn bản hướng dẫn của tỉnh, huyện; Kết luận số 10-KL/HU, ngày 12/11/2018 của Ban thường vụ huyện ủy Hương Sơn”; đề án tinh giản biên biên chế của BTV Đảng uỷ. Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức sắp xếp bộ máy, tinh giản cán bộ không chuyên trách xã từ 36 người xuống còn 9 người (giảm 27 người), giảm cán bộ không chuyên trách thôn từ 59 người xuống còn 37 người ( giảm 22 người).

Năm 2020 thực hiện Đề án sáp nhập đơn vị hành chính 3 xã: Sơn An, Sơn Hòa, Sơn Thịnh thành một xã An Hòa Thịnh. Sau khi sáp nhập bộ máy đã đi vào hoạt động, đồng thời đã tinh giảm cán bộ, công chức từ 56 người xuống còn 37 người (giảm 19 người) và cán bộ không chuyên trách xã từ 24 người còn 9 người (giảm 15 người).

**4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.**

- Thực hiện các quy định về cải cách chế độ công vụ, công chức. Hàng năm UBND quán triệt và triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức theo Chỉ thị 35-CT/TU ngày 04/11/2008, Kết luận 05-KL/TU; Quyết định 33/2011/QĐ-UBND, Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- UBND xã chấp hành nghiêm việc điều động, thuyên chuyển công chức theo Quyết định của UBND huyện.

- Hàng năm thực hiện phân loại cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách xã và bình xét những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đề nghị các cấp khen thưởng. Bên cạnh đó cũng phê bình những cá nhân, tập thể không hoàn thành nhiệm vụ được giao và quy trình thực hiện, hồ sơ đảm bảo đầy đủ theo quy định.

- Các chế độ, chính sách của cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách xã được thực hiện đảm bảo, đúng quy định. Cán bộ, công chức, người khi bị ốm đau được cơ quan tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời.Riêng chế độ nghĩ phép hàng năm tại đơn vị chưa thực hiện được;

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm và đạt được những kết quả đáng kể, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tinh thần, thái độ làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức. Hàng năm UBND xã đã xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo đảm bảo theo kế hoạch đề ra. Trong 10 năm, tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ đạt trên 80%/năm.

**5. Cải cách tài chính công**

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội: chính sách đối với người nghèo, người có công, chế độ đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn**.** Hàng năm xây dựng và triển khai thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, đồng thời căn cứ vào luật ngân sách nhà nước quy định và các văn bản hướng dẫn thực hiện dự toán hàng năm.

- Việc quyết toán và công khai số liệu quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước theo quy định của Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính, giải ngân nguồn vốn đảm bảo đúng thời hạn, địa điểm và hình thức công khai.

**6. Về hiện đại hóa hành chính.**

**6.1. Kết quả chủ yếu đạt được.**

Hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) được xây dựng và phát triển cơ bản đáp ứng nhu cầu triển khai, ứng dụng CNTT; hệ thống mạng nội bộ (mạng LAN), mạng Internet xây dựng tương đối hoàn chỉnh; Trang thông tin điện tử xã vận hành thông suốt; qua đó đã đẩy mạnh thực hiện việc cung cấp thông tin lên trang thông tin điện tử; ban biên tập được tập huấn viết tin bài cho trên trang thông tin điện tử; Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc của cán bộ, công chức được chú trọng thực hiện, 90% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo máy tính, internet và các phần mềm phục vụ công vụ. Việc cập nhật thông tin về chủ trương, chính sách, các văn bản, quy định, thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, tuyên truyền trên mạng Internet.... được thực hiện kịp thời;

100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản hồ sơ công việc và ứng dụng hiệu quả trong việc trao đổi thông tin qua môi trường mạng.

Về dịch vụ công trực tuyến, đến nay có 100% thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 1,2.

- Tình hình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008(2015) trong hoạt động của cơ quan: mới triển khai thực hiện.

Xã đã cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp theo mức độ 1, 2, 3 theo địa chỉ: **dichvucong.hatinh.gov.vn**

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020**

**1. Những kết quả tích cực đã đạt được**

Việc thực hiện CCHC luôn được cấp ủy, chính quyền quan tâm. Công tác lãnh đạo, điều hành được đặt lên hàng đầu, thường xuyên đổi mới, chú trọng hiệu quả, giảm thủ tục hình thức. Thời gian qua, UBND xã đã chủ động và kịp thời ban hành các chương trình, kế hoạch về CCHC, lựa chọn triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm trong từng năm, từng giai đoạn. Kịp thời chủ động triển khai có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

Vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong việc lãnh đạo được nâng cao; chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác CCHC tập trung hơn. Các nhiệm vụ trọng tâm của CCHC đã được triển khai đồng bộ, kịp thời đến từng ban ngành và cán bộ, công chức.

Công tác xây dựng, ban hành và rà soát văn bản quy phạm pháp luật được tiến hành kịp thời, thường xuyên.

Chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được nâng cao rõ rệt qua công tác kiểm soát, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; mở rộng hình thức, minh bạch hóa thủ tục hành chính và các thông tin quản lý nhà nước. Cơ chế một cửa tiếp tục được duy trì, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức theo hướng công khai, minh bạch, thuận tiện.

Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức có nhiều đổi mới; công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng được quan tâm.

Công tác quản lý tài chính, ngân sách có nhiều chuyển biến rõ nét; việc giám sát chi tiêu bằng quy chế chi tiêu nội bộ làm tăng hiệu quả của chi tiêu công, hạn chế tham nhũng, lãng phí. Các khoản chi ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội được bảo đảm.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan được thực hiện tốt như phần mềm quản lý văn bản, dịch vụ công, quản lý hồ sơ cán bộ, công chức…

**2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính chưa thực sự quyết liệt, việc quán triệt, tuyên truyền và chỉ đạo tổ chức thực hiện, bố trí nguồn lực cho cải cách hành chính còn hạn chế.

- Cơ sở vật chất tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tuy đã được đầu tư nâng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu hiện đại hóa nền hành chính.

- Việc thực hiện dịch vụ công cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và qua bưu điện công ích trong những năm qua chưa thực hiện được.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tuy được nâng lên nhưng vẫn còn một số chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, nhất là việc tiếp cận công nghệ thông tin trong xử lý công việc.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tuy đã đầu tư nhưng chưa đáp ứng với yêu cầu thực tế hiện nay. Một số cán bộ, công chức việc ứng dụng công nghệ thông tin đang còn hạn chế.

Nguyên nhân:

 Cải cách hành chính là công việc khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự tập trung cao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, sự tham mưu thực hiện nhạy bén, sát đúng, kịp thời của các ban ngành tạo mắt xích xuyên suốt trong quá trình thực hiện. Vì vậy, trong những năm qua chưa thực sự xác định là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên. Phương pháp tổ chức triển khai thực hiện chưa có nhiều giải pháp tập trung, quyết liệt. Công tác truyền thông phục vụ cho việc triển khai các chương trình, nhiệm vụ cải cách hành chính chưa tạo ra sự thống nhất cao về nhận thức trong toàn bộ hệ thống chính trị cũng như trong nhân dân.

Nguồn lực và những điều kiện bảo đảm cần thiết cho cải cách hành chính còn nhiều hạn chế. Tính chuyên nghiệp, kỹ năng hành chính của cán bộ, công chức chưa cao. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động hành chính, trang thiết bị công sở chưa đáp ứng yêu cầu, một số cán bộ, công chức do tuổi cao cho nên việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ còn gặp nhiều khó khăn.

Người dân và các tổ chức khai thác trang thông tin điện tử của cơ quan chưa phổ biến, đặc biệt là chưa quan tâm đến dịch vụ công trực tuyến.

**3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính.**

 Qua triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trong những năm qua, với những kết quả đạt được và những tồn tại hạn chế, rút ra bài học kinh nghiệm như sau:

- Cần nâng cao vai trò của người đứng đầu trong công tác CCHC, thường xuyên kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện CCHC để đạt hiệu quả cao. Có sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, sự đồng thuận của đội ngũ cán bộ, công chức trong triển khai thực hiện cải cách hành chính, là nhân tố quan trọng để thực hiện CCHC.

 - Coi trọng công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm tạo nhận thức đầy đủ và sâu sắc trong từng cán bộ và nhân dân, đồng thời tạo điều kiện cho người dân thể hiện tốt vai trò giám sát đối với hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức; phối hợp chặt chẽ, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công cuộc CCHC.

- Đầu tư các điều kiện thiết yếu cho CCHC như cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhằm từng bước hiện đại hóa công sở, nâng cao chất lượng dịch vụ công để phục vụ tốt hơn cho các tổ chức, cá nhân khi đến giao dịch.

 - Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, theo dõi, đánh giá quá trình triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính. Chú trọng việc đánh giá, biểu dương những tổ chức, cá nhân thực hiện tốt và xử lý nghiêm những cá nhân vi phạm. Tăng cường, phát huy vai trò giám sát của mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể nhân dân đối với công tác cải cách hành chính.

 Nâng cao năng lực của đội ngũ công chức làm công tác cải cách hành chính; bố trí kinh phí cho cải cách hành chính.

**Phần thứ hai**

**ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

**GIAI ĐOẠN 2021 - 2030**

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, huyện, xã và UBND xã đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm cần thiết mà địa phương phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030, gồm vào những nội dung sau:

1. **Công tác chỉ đạo, điều hành.**

- Tiếp tục chỉ đạo, triển khai thực hiện các văn bản của cấp trên về công tác CCHC.

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện CCHC trên các lĩnh vực: thể chế, thủ tục hành chính, công tác tổ chức bộ máy, tài chính công và công nghệ thông tin, công tác kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Tiếp tục chỉ đạo, thực hiện nghiêm về kỷ luật kỷ cương hành chính theo Quyết định 52/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2017 của UBND TỈnh Hà Tĩnh về Ban hành quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND, ngày 19/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tỉnh về Ban hành quy chế văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị hành chính. Đề án 447 của UBND huyện về về đổi mới phương thứchoạt động của UBND cấp xã nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành.

- Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền CCHC bằng nhiều hình thức, chú trọng đến công tác tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh xã, thôn và hội nghị về tầm quan trọng của CCHC để nâng cao nhận thức của người dân, qua đó tạo điều kiện cho người dân thực hiện giám sát các hoạt động của bộ máy hành chính.

**2. Về cải cách thể chế.**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị định của Chính phủ và theo Kế hoạch của UBND huyện, xã; nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo tính thống nhất, hợp hiến, hợp pháp và có tính khả thi cao. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết số 49/NQ/TW về cải cách tư pháp, gắn cải cách hành chính với cải cách tư pháp; tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến tận người dân.

- Nâng cao chất lượng công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; lập danh mục văn bản còn hiệu lực thi hành, văn bản hết hiệu lực thi hành và danh mục văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

- Tăng cường công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật gắn với kiểm tra văn bản QPPL và kiểm soát thủ tục hành chính, kịp thời phát hiện và khắc phục những điểm chồng chéo, thiếu đồng bộ gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đời sống người dân.

**3. Cải cách thủ tục hành chính gắn với cơ chế một cửa**

- Tăng cường công tác kiểm soát TTHC. Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch đơn giản hóa TTHC để tiếp tục tạo thuận lợi cho người dân phát triển sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát thủ tục hành chính để kiến nghị với các cấp có thẩm quyền bổ sung, sữa đổi, thay thế, bãi bỏ các thủ tục hành chính chồng chéo, tính khả thi không cao, không phù hợp với quy định mới của pháp luật. Đặc biệt là các quy trình thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông nhằm tạo sự nhịp nhàng.

- Thực hiện công khai minh bạch các thủ tục hành chính bằng nhiều hình thức phù hợp để các tổ chức, cá nhân dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế mộ cửa, một cửa liên thông trong công tác giải quyết các thủ tục hành chính đối với người dân, các tổ chức theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

**4. Cải cách tổ chức bộ máy:**

 Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy theoNghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố. Xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh, hiện đại; nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức thôn.

**5. Về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức:**

- Tổ chức thực hiện Luật cán bộ, công chức. Xây dựng phương án quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dự nguồn để bổ sung thay thế. Cử đội ngũ công chức trẻ có đủ phẩm chất, năng lực trình độ tham gia chương trình đào tạo lý luận chính trị, quản lý nhà nước. Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức và những công chức làm công tác tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Đến năm 2030, 100% cán bộ, công chức có trình độ đại học và được đào tạo lý luận chính trị và quản lý nhà nước.

- Thực hiện có hiệu quả Đề án cải cách chế độ công vụ, công chức theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 23/9/2013 của UBND tỉnh.

- Phối hợp thực hiện tốt việc chuyển đổi vị trí công tác theo Điều 8 Nghị định 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ, quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức.

- Tăng cường công tác xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức theo Chỉ thị 35 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức và văn hóa công sở gắn với việc thực hiện các quy định của Luật phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm.

- Đảm bảo chế độ chính sách cho cán bộ, công chức theo quy định của nhà nước.

- Thực hiện đánh giá cán bộ, công chức theo hướng nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

**6. Về cải cách tài chính công:**

 Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch tự chủ kinh phí. Tiếp tục thực hiện nghiêm quy chế chi tiêu, sử dụng tài sản công theo tinh thần Nghị định 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, phấn đấu giảm dần bội chi ngân sách. Thường xuyên cập nhật và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, quy chế chi tiêu nội bộ, tiền lương, tiền công của người lao động.

**7. Hiện đại hóa hành chính nhà nước:**

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước. Nâng cao trình độ áp dụng công nghệ thông tin của từng cán bộ, công chức, 100% cán bộ, công chức thực hiện thành thạo trong việc khai thác máy tính, internet và tác nghiệp trực tuyến. Thực hiện hiệu quảhệ thống thư điện tử, hệ thống gửi nhận văn bản điện tử, ứng dụng chữ ký số trong giao dịch bằng văn bản điện tử và các phần mềm khác trong các lĩnh vực vào quản lý hành chính.

- Xây dựng, áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO vào hoạt động.

**Phần thứ ba**

**NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Tăng cường tổ chức các chương trình, khóa đào tạo nhằm nâng trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực hiện công tác cải cách hành chính cho cán bộ, công chức.

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011- 2020, định hướng giai đoạn 2021-2030 của UBND xã An Hòa Thịnh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **TM.ỦY BAN NHÂN DÂN** |
| - UBND huyện (báo cáo); - TT Đảng ủy;- TT HĐND xã;- TT UBND xã;- Các ban ngành, đoàn thể; |  **CHỦ TỊCH** |
| - Lưu: VP-UBND. |  **Nguyễn Hữu Đông** |

**Phụ lục 1**

**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

*(Ban hành Kèm theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 09/3/2020 của UBND huyện)*

| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Năm****2015** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020*****(Tính đến 31/3)*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành | 10 | 10 | 10 | 12 | 15 | 10 |
| 2 | Số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Tuyên truyền CCHC | 5 | 6 | 6 | 10 | 12 | 3 |
| - | Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC *(Có tổ chức = 1; Không tổ chức = 0)* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài PT-TH tỉnh, huyện, xã (nếu có) |  |  |  |  |  |  |
| - | Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC (nếu có) |  |  |  |  |  |  |
| - | Xây dựng chuyên mục CCHC trên TrangTTĐT của đơn vị *(Có xây dựng = 1; Không xây dựng = 0)* |  |  |  |  |  |  |
| - | Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có). |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CCHC cấp xã |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức (nếu có) | Có |  |  |  |  |  |
| - | Số lượng dịch vụ đã khảo sát |  |  |  |  |  |  |
| - | Số lượng mẫu đã khảo sát | 25 | 25 | 25 | 25 | 25 | **25** |
| - | Mức độ hài lòng chung | Hài lòng | Hài lòng | Hài lòng | Hài lòng | Hài lòng | Hài lòng |

**Phụ lục 2**

**Thống kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế**

*Ban hành Kèm theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 09/3/2020 của UBND huyện)*

| **STT** | **Nhiệm vụ/tiêu chí** | **Năm 2015** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020*****(Tính đến 31/3)*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành | 20 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chia theo tên loại VBQPPL | 20 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| 2 | Số VBQPPL được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới sau rà soát | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền | 20 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| 5 | Số VBQPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**Phụ lục 3**

**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính**

**(***Ban hành Kèm theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 09/3/2020 của UBND xã)*

| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Năm 2015** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020*****(Tính đến 31/3)*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tổng số TTHC của đơn vị, địa phương |  |  |  |  | 252 |  |
|  | Số TTHC do tỉnh ban hành (được giao trong Luật) (nếu có) |  |  |  |  |  |  |
|  | Số TTHC được đơn giản hóa sau rà soát (theo thẩm quyền của cơ quan, đơn vị, như: giảm thời gian giải quyết…) |  |  |  |  |  |  |
|  | Số lượng thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Trang Thông tin điện tử |  |  |  |  |  |  |
|  | Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. |  |  |  |  |  |  |
| - | *Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả*  | 1500 | 1850 | 1965 | 1998 | 2013 |  |
| - | *Số lượng TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông cùng cấp* |  |  |  |  |  |  |
| - | *Số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền* |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC |  |  |  |  |  |  |
| - | *Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hẹn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hẹn)* | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | **100** |
|  | Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** |
| - | *Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm* |  |  |  |  |  |  |
| - | *Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm* |  |  |  |  |  |  |
| - | *Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Cổng TTĐT* |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 5**

**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

*(Ban hành Kèm theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 09/3/2020 của UBND huyện)*

| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Năm 2015** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020*****(Tính đến 31/3)*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tổng số biên chế cán bộ, công chức  | 21 | 21 | 21 | 21 | 21 |  |
| - | *Tổng số được giao* | 21 | 21 | 21 | 21 | 21 | **20** |
| - | *Tổng số có mặt* | 21 | 21 | 21 | 21 | 21 | **38** |
|  | Tổng số biên chế viên chức |  |  |  |  |  |  |
| - | *Tổng số được giao* |  |  |  |  |  |  |
| - | *Tổng số có mặt* |  |  |  |  |  |  |
|  | Số công chức được tuyển dụng theo hình thức thi cạnh tranh | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | **9** |
|  | Số công chức được bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thông qua thi tuyển cạnh tranh |  |  |  |  |  |  |
|  | Số lượng cán bộ, công chức được tinh giản biên chế | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | **9** |
|  | Số lượng công chức được bổi dưỡng, tập huấn hàng năm | 8 | 2 | 4 | 2 | 2 | **0** |
|  | Số lượng viên chức được bổi dưỡng, tập huấn hàng năm |  |  |  |  |  |  |
|  | Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 6**

**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tài chính công**

*(Ban hành Kèm theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 09/3/2020 của UBND huyện)*

| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Năm 2015** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020*****(Tính đến 31/3)*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Thực hiện cơ chế tự chủ  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 7**

**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực hiện đại hóa hành chính**

*(Ban hành Kèm theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 09/3/2020 của UBND huyện)*

| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Năm 2015** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020*****(Tính đến 31/3)*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tỷ lệ văn bản hành chính được trao đổi dưới dạng điện tử | 0 |  |  |  |  |  |
|  | Số đơn vị kết nối Trục liên thông VBQG |  |  |  |  |  |  |
|  | Số lượng văn bản nhận trên Trục liên thông của tỉnh và VBQG |  |  |  |  |  |  |
|  | Số lượng văn bản gửi trên Trục liên thông của tỉnh và VBQG |  |  |  |  |  |  |
|  | Số lượng chữ ký số |  |  |  |  |  |  |
|  | Tỷ lệ công chức có hộp thư điện tử |  |  |  |  |  |  |
|  | Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản  |  |  |  |  |  |  |
|  | Sử dụng (mạng LAN) để trao đổi công việc |  |  |  |  |  |  |
|  | Trang Thông tin điện tử |  |  | Lập trang TTĐT |  |  |  |
|  | Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 | 0 | 0 | 0 | 33 | 33 | **33** |
|  | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ | 0 | 0 | 0 | 0 | 15 | **20** |
|  | Sử dụng phần mềm dịch vụ công trực tuyến | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | **1** |
|  | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử |  |  |  |  |  |  |
|  | Áp dụng ISO |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 8**

**Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính nhà nước**

*(Ban hành Kèm theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 09/3/2020 của UBND huyện)*

| **STT** | **Các mục tiêu cải cách** | **Đánh giá kết quả đạt được*****(Đạt/Không đạt)*** |
| --- | --- | --- |
|  | Thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức được cải cách cơ bản theo hướng gọn nhẹ, đơn giản; mỗi năm đều có tỷ lệ giảm chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước |  |
|  | Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80% vào năm 2020 |  |
|  | Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị để không còn sự chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn |  |
|  | Chuyển giao những công việc mà cơ quan hành chính nhà nước không nên làm hoặc làm hiệu quả thấp cho xã hội, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận |  |
|  | Sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt mức trên 80% vào năm 2020 |  |
|  | Sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2020  |  |
|  | Đội ngũ công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước; 100% các cơ quan, đơn vị có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm; |  |
|  | Đến năm 2020: 90% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử; cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong các cơ quan; hầu hết các giao dịch của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, mọi lúc, mọi nơi, dựa trên các ứng dụng truyền thông đa phương tiện; hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến trên Mạng thông tin điện tử hành chính ở mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau |  |
|  | Các trang tinđiện tử hoàn thành việc kết nối với Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, hình thành đầy đủ Mạng thông tin điện tử hành chính trên Internet |  |
|  | 20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cơ quan |  |
|  | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của đơn vị đạt từ 20% trở lên; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử  |  |
|  | Tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; 50% Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh cung cấp giao diện cho các thiết bị di động; 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 50% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% Cổng Thông tin điện tử công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số [43/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-43-2011-nd-cp-cung-cap-thong-tin-va-dich-vu-cong-truc-tuyen-125408.aspx) ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ; 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp. |  |
|  | 100% phần mềm quản lý văn bản và điều hành của các bộ, ngành được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử; tối thiểu 80% hồ sơ công việc tại cấp bộ, cấp tỉnh, 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật). |  |
|  | Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia. |  |
|  | Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử. |  |
|  | 100% cơ quan kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước. |  |